

THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DU LỊCH HÀ NỘI

ĐIỀU LỆ

**(Sửa đổi, bổ sung một số điều theo quy định tại
Luật Doanh nghiệp năm 2005)**

Hà Nội, tháng 10 năm 2007



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DU LỊCH HÀ NỘI

ĐIỀU LỆ

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI DU LỊCH HÀ NỘI**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH 11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-ĐHCD ngày 26/10/2007 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2007 Công ty cổ phần Thương mại du lịch Hà Nội;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thương mại du lịch Hà Nội đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/12/2001;

Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2007 đã nhất trí thông qua nội dung của Bản Điều lệ đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2005 và cùng cam kết thực hiện những quy định trong bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thương mại du lịch Hà Nội.

Bản Điều lệ này chi phối toàn bộ những vấn đề về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thương mại du lịch Hà Nội.

Chương I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1 : Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân

1. Công ty cổ phần Thương mại du lịch Hà Nội thuộc sở hữu của các cổ đông, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, hoạt động theo Luật doanh nghiệp năm 2005.

2. Công ty cổ phần Thương mại du lịch Hà Nội :

- Có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng được mở tài khoản tại Ngân hàng.

- Có vốn Điều lệ và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ bằng số vốn đó.

- Hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Điều 2: Tên Công ty, Trụ sở và phạm vi hoạt động

1. Tên Công ty :

* Công ty cổ phần Thương mại du lịch Hà Nội .

* Tên giao dịch đối ngoại :

HANOI COMMERCIAL TOURISM JOINT STOCK COMPANY

* Tên giao dịch đối ngoại viết tắt : HACTJSCO

* Biểu tượng của Công ty: Khuê Văn các- Văn Miếu

2. Trụ sở :

* Trụ sở của Công ty đặt tại 23 phố Nguyễn Đình Chiểu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

* Điện thoại: (84-4) 9437528-9439175; Fax: (84-4) 8228894

* Email:

3. Phạm vi hoạt động :

Công ty cổ phần Thương mại du lịch Hà Nội hoạt động trên toàn bộ lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Công ty có thể mở chi nhánh, Văn phòng đại diện trong nước và ngoài nước theo quy định của Luật pháp Việt Nam.

Điều 3: Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh

1. Mục tiêu :

Công ty cổ phần Thương mại du lịch Hà Nội được thành lập nhằm mục tiêu:

- Không ngừng nâng cao lợi ích hợp pháp của các Cổ đông.
- Tăng tích lũy phát triển Sản xuất - Kinh doanh của Công ty.
- Góp phần vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển Kinh tế - Xã hội của Thủ đô và đất nước.

2. Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh cơ sở lưu trú- Du lịch- Khách sạn;
- Kinh doanh vận chuyển Khách du lịch, lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh các dịch vụ du lịch khác;
- Kinh doanh các mặt hàng ăn uống, đặc sản, các món ăn dân tộc;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và đầu tư liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước;
- Kinh doanh các dịch vụ vận tải đường bộ, đường biển và hàng không;
- Dịch vụ quảng cáo, môi giới , tư vấn xúc tiến đầu tư và chuyển giao công nghệ;
- Đầu tư phát triển xây dựng, cho thuê văn phòng và kinh doanh bất động sản;

- Dịch vụ vui chơi giải trí, Karaoke, vũ trường, tắm hơi, vật lý trị liệu và các hình thức hoạt động của câu lạc bộ;
- Mua bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán theo Luật định;
- Đại lý thu đổi ngoại tệ, visa, bán vé máy bay và làm đại lý mua bán ký gửi hàng hóa cho các Doanh nghiệp trong và ngoài nước;
- Tổ chức sản xuất, gia công chế biến và mua bán hàng nông lâm thủy hải sản;
- Buôn bán tư liệu sản xuất, hàng tiêu dùng, may mặc, kim khí điện máy, phụ tùng, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, dụng cụ gia đình.

Điều 4: Thời hạn hoạt động

1. Thời hạn hoạt động của Công ty cổ phần là 50 năm, kể từ ngày được cấp giấy đăng lý kinh doanh.
2. Thời gian hoạt động của Công ty có thể được gia hạn hoặc rút ngắn do Đại hội đồng Cổ đông thông qua với số phiếu nhất trí từ 75% vốn Điều lệ trở lên và thực hiện theo Luật Doanh nghiệp.

Điều 5: Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Công ty cổ phần Thương mại du lịch Hà Nội được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
2. Cơ quan quyết định cao nhất Công ty là Đại hội đồng cổ đông.
3. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Ban kiểm soát là cơ quan kiểm soát hoạt động của Công ty cổ phần do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm.
4. Giám đốc Công ty cổ phần do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và là người điều hành hoạt động Sản xuất - Kinh doanh của Công ty.

Điều 6: Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty cổ phần

1. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam trong Công ty cổ phần hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của Đảng cộng sản Việt Nam.
2. Tổ chức Công đoàn và các tổ chức Chính trị Xã hội khác trong Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật.

Công ty cổ phần tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, Điều lệ và Pháp luật quy định.

Chương II

QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN

Điều 7: Quyền hạn

Trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật và theo khả năng của mình, Công ty cổ phần Thương mại du lịch Hà Nội có quyền :

1. Tự chủ kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh.
2. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.
3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
4. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.
5. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.
6. Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.
7. Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.
8. Sở hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.
9. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.
10. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.
11. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.
12. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8: Nghĩa vụ

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.
2. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán.
3. Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
4. Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.
5. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo quy định.
6. Thực hiện chế độ thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo mẫu quy định; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.

7. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh.

8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

Điều 9: Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ khi thành lập Công ty cổ phần Thương mại du lịch Hà Nội là: 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng*)

Trong đó:

* Vốn của Nhà nước: 987.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 19,74%

* Vốn của các cổ đông là CBCNV và các cổ đông khác: 4.013.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 80,26%.

2. Vốn điều lệ khi thành lập được chia thành 50.000 cổ phần. Cổ phần được phát hành dưới hình thức cổ phiếu. Giá trị một cổ phần (mệnh giá cổ phiếu) là 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng).

* Vốn Điều lệ có thể được điều chỉnh (tăng hay giảm) theo nhu cầu kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cổ phần.

* Việc điều chỉnh vốn Điều lệ do Hội đồng quản trị chuẩn bị, trình Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đúng quy định của Pháp luật.

* Không dùng vốn Điều lệ để chia lợi tức cổ phần cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 10: Quản lý phần vốn Nhà nước góp tại Công ty cổ phần

1. Người trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước trong Công ty do cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cử.

2. Người trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước góp tại Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 11: Đóng góp cổ phần

1. Phần vốn góp của mỗi thành viên tham gia Công ty cổ phần có thể bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ chuyển đổi, tài sản bằng hiện vật.

2. Việc đăng ký mua cổ phần được xác nhận bằng một tờ phiếu có chữ ký của người mua (hoặc người được ủy quyền mua) và của Trưởng ban đổi mới quản lý doanh nghiệp khi Công ty mới thành lập hoặc của Chủ tịch HĐQT khi Công ty phát hành thêm cổ phần. Giá trị cổ phần đăng ký mua phải thanh toán ngay một lần sau khi có thông báo của Công ty.

3. Tiền mua cổ phiếu bằng ngoại tệ được chuyển đổi tính theo tỷ giá hối đoái Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào thời điểm đóng cổ phần.

4. Phần góp vốn bằng hiện vật phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét và định giá, phần vốn này phải nộp đủ ngay vào Công ty cổ phần khi được chấp thuận.

5. Loại cổ phần của Công ty cổ phần Thương mại du lịch Hà Nội là cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông.

Điều 12: Cổ phiếu

1. Hình thức: cổ phiếu là chứng chỉ có giá do Công ty cổ phần phát hành theo quy định hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty cổ phần. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên.

2. Nội dung của cổ phiếu theo các quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật Doanh nghiệp năm 2005.

3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị mờ, bị cháy hay bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì việc cấp lại cổ phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 85 của Luật Doanh nghiệp năm 2005.

Điều 13: Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Chào bán cổ phần:

- Việc chào bán cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Doanh nghiệp năm 2005.

- Cổ phần được bán sau khi đã thanh toán đủ và ghi rõ tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại, ngày đăng ký cổ phần vào sổ đăng ký cổ đông. Kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

- Thủ tục và trình tự chào bán cổ phần thực hiện theo các quy định tại Điều 87 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 và của Pháp luật về Chứng khoán.

2. Chuyển nhượng Cổ phần:

Loại cổ phiếu được tự do chuyển nhượng là loại cổ phiếu phổ thông.

3. Thủ tục chuyển nhượng cổ phần :

- Trước khi chuyển nhượng phải có đơn gửi HĐQT và việc thực hiện chuyển nhượng phải theo đúng luật. Sau khi hoàn thành thủ tục chuyển nhượng, người sở hữu cổ phần chuyển nhượng ghi đầy đủ những thông tin cần thiết vào sổ đăng ký cổ đông.

- Trong vòng 30 ngày trước khi tiến hành Đại hội đồng cổ đông không được phép chuyển nhượng cổ phần.

Điều 14: Thừa kế cổ phần

1. Công ty cổ phần tôn trọng quyền thừa kế cổ phần theo Luật Dân sự Việt Nam qui định. Trường hợp có nhiều người thừa kế cổ phần thì phải cử đại diện sở

hữu duy nhất bằng thủ tục Công chứng thư. Công ty cổ phần tham gia xử lý tranh chấp của những người thừa kế.

2. Khi được quyền sở hữu hoặc quyền thừa kế hợp pháp, cổ đông mới được hưởng mọi quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.

3. Các Cổ phiếu của HĐQT cũng được tự do thừa kế nhưng người thụ hưởng thừa kế chỉ thừa kế quyền sở hữu cổ phiếu mà không thể đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên HĐQT, ngoại trừ có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15: Phát hành trái phiếu, cổ phiếu

Khi có đủ điều kiện cần thiết theo Luật định, Công ty cổ phần được phát hành cổ phiếu, Trái phiếu theo quy định của Pháp luật.

Hội đồng quản trị quyết định loại trái phiếu, các loại cổ phiếu, tổng giá trị trái phiếu, cổ phiếu và thời điểm phát hành.

Điều 16: Cổ đông

1. Các Pháp nhân và các Thẻ nhân có đủ điều kiện theo quy định của Luật pháp Việt Nam và Điều lệ Công ty mua cổ phiếu của Công ty phát hành, ghi vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty là cổ đông của Công ty cổ phần Thương mại du lịch Hà Nội.

Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó. Đối với các cổ đông sở hữu cổ phần từ 5% vốn điều lệ trở lên trước ngày 1/7/2006 thì thực hiện đăng ký bổ sung với cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định.

2. Quyền của cổ đông phổ thông:

2.1. Quyền của Cổ đông :

a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;

d) Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty;

h) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu có các quyền sau đây:

a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (nếu có);

b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 2.3 Điều này;

d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

đ) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2.2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại điểm a khoản 2.2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2. 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

3. Nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông:

3.1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.

3.2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ công ty.

3.3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

3.4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3.5. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Chương IV

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 17: Thẩm quyền

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần Thương mại du lịch Hà Nội.

Điều 18: Các loại Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thành lập là phiên họp đầu tiên của Đại hội đồng cổ đông để thực hiện các nhiệm vụ sau :

- Xác định các thủ tục thành lập.

- Kiểm tra tư cách Cổ đông.
- Thảo luận thông qua Điều lệ, phương án kinh doanh.
- Bầu HĐQT và Ban kiểm soát.

Đại hội đồng thành lập phải có số Cổ đông đại diện cho ít nhất 80% vốn Điều lệ của Công ty và biểu quyết theo đa số quá bán.

2. Đại hội đồng cổ đông bất thường :

Đại hội đồng bất thường được triệu tập để quyết định các vấn đề khẩn cấp ảnh hưởng đến sự tồn tại của Công ty, quyết định đến các vấn đề thay đổi, bổ sung, bãi miễn thành viên HĐQT, Ban kiểm soát vì lý do khẩn cấp.

- Đại hội đồng bất thường do Chủ tịch HĐQT triệu tập theo đề nghị của ít nhất 2/3 thành viên HĐQT hoặc nhóm cổ đông đại diện cho ít nhất 10% vốn Điều lệ của Công ty hoặc của Ban kiểm soát. Điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội như Điều 20 bản Điều lệ này.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên :

Đại hội đồng thường niên được triệu tập trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng thường niên được tiến hành phải có số Cổ đông đại diện cho ít nhất 70% vốn Điều lệ Công ty tham dự mới có giá trị.

Đại hội đồng thường niên giải quyết các vấn đề sau :

- a) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm và quyết định mức Cổ tức hàng năm.
- b) Thông qua báo cáo của Trưởng ban kiểm soát.
- c) Thông qua định hướng phát triển Công ty, quyết định bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong sổ Kế toán của Công ty.
- d) Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty cổ phần và cá nhân Cổ đông của Công ty cổ phần. Bãi miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát (nếu có).
- đ) Quy định mức phụ cấp và tiền thưởng (phạt) cho các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát.
- e) Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty cổ phần (nếu có).
- g) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần (nếu có).
- h) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Điều 19: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp :

- a) Theo quyết định của Hội đồng quản trị.

b) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 15 của Điều lệ này.

c) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát nếu HĐQT vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý qui định tại Điều 31 Chương VI của Điều lệ này.

2. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu theo quy định tại điểm 1 của Điều này.

Trường hợp Chủ tịch HĐQT không triệu tập thì Ban kiểm soát hoặc cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu triệu tập và thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Người triệu tập họp phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị các tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi giấy triệu tập đến từng cổ đông có quyền dự họp.

Điều 20: Quyền dự họp Đại hội cổ đông

1. Cổ đông phổ thông được quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

2. Cổ đông có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi giấy mời họp đến các đại biểu trước ngày họp ít nhất là 7 ngày. Kèm theo giấy mời họp phải có chương trình họp và các tài liệu thảo luận làm cơ sở để thông qua quyết định.

Điều 21: Điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 70% vốn Điều lệ.

2. Trường hợp cuộc họp không đủ điều kiện nêu trên, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự kiến họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông này được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 60% vốn Điều lệ.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện theo quy định, thì được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số vốn của các cổ đông dự họp.

4. Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

a) Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm kiểm tra và xác nhận tư cách cổ đông tham dự.



b) Chủ tịch HĐQT hoặc người được uỷ quyền hợp lệ của Chủ tịch HĐQT là chủ tọa Đại hội.

c) Chủ tọa thông qua Đại hội đồng bầu thư ký và Ban kiểm phiếu (nếu có). Diễn biến Đại hội phải được ghi chép vào biên bản có chữ ký của chủ tọa. Thư ký và Trưởng ban kiểm phiếu (nếu có).

d) Chỉ Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình nghị sự đã được gửi kèm theo giấy mời họp.

Điều 22: Thể thức thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng bình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Riêng việc bầu và bãi miễn các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát Công ty cổ phần phải thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín.

2. Số phiếu biểu quyết được tính bằng số cổ phần sở hữu hoặc cổ phần đại diện của các cổ đông có quyền biểu quyết.

3. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

a) Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

b) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- Thông qua định hướng phát triển công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ khác;

- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Tổ chức lại, giải thể công ty.

c) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

- Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được



ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu Điều lệ công ty không có quy định khác thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định;

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với tổng số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không thực hiện đúng như quy định.

5. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

7. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 105 của Luật Doanh nghiệp.

Mọi khiếu nại về kết quả biểu quyết chỉ được xem xét tại Đại hội đồng cổ đông, không được chống lại các kết quả biểu quyết dưới bất kỳ hình thức nào.

Chương V

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 23 : Cơ cấu của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty cổ phần, có toàn quyền nhân danh Công ty cổ phần để quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty giữa hai nhiệm kỳ Đại hội trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Nhiệm kỳ của HĐQT Công ty là năm năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

Trường hợp thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị của công ty cổ phần có 03 người, gồm : Chủ tịch và các thành viên.

4. Điều kiện ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị là người có đủ các điều kiện sau :

- Có đủ năng lực điều hành sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Có phẩm chất đạo đức, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật.

- Có đủ sức khỏe.

- Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

Điều 24 : Thể thức bầu vào Hội đồng quản trị

1. Bầu trực tiếp bằng thẻ thức bỏ phiếu kín tại Đại hội đồng cổ đông và phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị, cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một người hoặc một số ứng cử viên.

2. Người được trúng cử vào HĐQT xếp theo thứ tự tổng số phiếu bầu từ cao xuống thấp và đủ số thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ này, trường hợp có 02 người trở lên cùng số phiếu thì do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Phiên họp đầu tiên của HĐQT sẽ bầu Chủ tịch và cử Giám đốc bằng hình thức bỏ phiếu kín (mỗi thành viên HĐQT sẽ có 01 phiếu). Người được trúng cử vào các chức danh trên phải thu được số phiếu bầu quá bán so với số thành viên HĐQT của Công ty cổ phần.

Điều 25 : Quyền hạn của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của công ty cổ phần có quyền hạn và nhiệm vụ như sau :

1. Quyết định chiến lược phát triển của Công ty cổ phần.

2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán.

3. Quyết định phương án đầu tư.

4. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, mua sắm trang thiết bị, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm

gần nhất của Công ty cổ phần trở lên, trừ những hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 33 của Điều lệ này.

5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty cổ phần, quyết định mức lương, tiền thưởng và lợi ích khác của cán bộ quản lý do HĐQT bổ nhiệm. Giám sát Giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và của Đại hội đồng cổ đông.

6. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn mua cổ phần của Doanh nghiệp khác.

7. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

8. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

9. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty cổ phần; định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng.

10. Quyết định mức độ và nguồn chi cho công tác từ thiện - xã hội và hoạt động phong trào.

11. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ hội nghị Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.

12. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty cổ phần.

13. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 26: Thể thức hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp của Hội đồng quản trị:

a) Chủ tịch HĐQT có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

- Mỗi Quý HĐQT phải họp một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường theo đề nghị của 2/3 thành viên của HĐQT, Giám đốc hoặc Trưởng ban kiểm soát.

- Theo đề nghị của Ban kiểm soát hoặc nhóm cổ đông phổ thông đại diện sở hữu 10% vốn Điều lệ của Công ty yêu cầu.

b) Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 2/3 thành viên HĐQT trở lên tham dự kể cả uỷ quyền. Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tọa. Thành viên HĐQT vắng mặt có thể uỷ quyền bằng văn bản cho thành viên khác thay thế, nhưng không quá 03 lần liên tiếp.

c) Thủ tục triệu tập và tổ chức cuộc họp HĐQT bằng giấy triệu tập đưa trước 05 ngày trước ngày họp, ghi rõ địa điểm, nội dung cuộc họp cần giải quyết, những thủ tục khác theo quy chế riêng của Công ty cổ phần.



d) Cuộc họp của HĐQT phải ghi chép đầy đủ vào sổ biên bản (chủ toạ và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp HĐQT). Biên bản phải được thông qua công khai trong HĐQT và có đầy đủ chữ ký của chủ toạ và thư ký phiên họp.

2. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị:

a) Định kỳ hoặc trong những trường hợp cần thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, cán bộ quản lý các đơn vị trong Công ty cổ phần cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần và của các đơn vị trong Công ty cổ phần.

b) Trong trường hợp quy định, cán bộ quản lý đơn vị được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của HĐQT.

3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên HĐQT sẽ hết trách nhiệm, bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Hết nhiệm kỳ nếu không được bầu lại.
- Không đủ điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ này.
- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
- Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị pháp luật hoặc Nhà nước cấm.
- Mất trí, có xác nhận của Hội đồng giám định Y khoa.
- Từ chức, được HĐQT chấp thuận.
- Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Trường hợp số thành viên HĐQT bị giảm quá 1/3 so với tổng số đã quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần, thì HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày (sáu mươi ngày) để bầu bổ sung thành viên HĐQT.
- Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

4. Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị:

Các thành viên HĐQT được hưởng phụ cấp, tiền thưởng và các chi phí cần thiết có liên quan tới chỉ đạo, điều hành trong sản xuất - kinh doanh của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Phụ cấp, tiền thưởng và mọi chi phí hoạt động của HĐQT được tính vào chi phí quản lý của Công ty cổ phần.

Những quyết định của Đại hội đồng cổ đông về quyền lợi của thành viên HĐQT phải được thể hiện bằng quy chế riêng của Công ty cổ phần và được điều chỉnh tùy theo kết quả sản xuất kinh doanh và lợi nhuận hàng năm của Công ty cổ phần.

Điều 27: Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch HĐQT trong số thành viên HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông bầu, Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Giám đốc Công ty.

2. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT.
- Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT dưới hình thức thông tin khác (điện, thư, fax).
- Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.
- Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường.
- Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp.

3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì thành viên được Chủ tịch uỷ quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được uỷ nhiệm thì các thành viên còn lại chọn một trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT.

Điều 28: Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát của Công ty cổ phần có 03 thành viên. Thành viên Ban kiểm soát, do Đại hội đồng cổ đông bầu trực tiếp bằng bỏ phiếu kín và phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát, cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử vào ban Kiểm soát có số phiếu bầu cao nhất.

2. Người tham gia vào Ban kiểm soát phải là cổ đông của Công ty, phải sở hữu có từ 200 cổ phần trở lên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên có chuyên môn về kế toán (hoặc phải được đào tạo về nghiệp vụ kế toán). Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng ban, thể thức bầu bằng bỏ phiếu kín (mỗi thành viên Ban kiểm soát có một phiếu).

3. Những người không được làm thành viên Ban kiểm soát:

a) Thành viên HĐQT, Giám đốc, người có liên quan của HĐQT, của Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty cổ phần (những người có liên quan được quy định tại Điều 122 Luật Doanh nghiệp) là những người không được làm thành viên Ban kiểm soát.



b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị toà án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật.

Điều 29: Hoạt động của Ban kiểm soát

1. Quyền hạn, nhiệm vụ và quyền lợi của Ban kiểm soát:

a) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty cổ phần.

b) Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty cổ phần, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty cổ phần khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông có sở hữu từ 10% số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng.

c) Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả các hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

d) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty cổ phần; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần.

e) Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần.

g) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

h) Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được làm cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, Giám đốc, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty cổ phần.

i) Thành viên Ban kiểm soát được hưởng phụ cấp, tiền lương (nếu có) do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

k) Các chi phí hoạt động hợp lý, hợp lệ cho Ban kiểm soát, kiểm soát viên được hoạch toán vào chi phí quản lý của Công ty cổ phần.

Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.

2. Cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát:

a) Hội đồng quản trị, thành viên HĐQT, Giám đốc, các cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần theo yêu cầu của Ban kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

b) Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty cổ phần, nếu vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Pháp luật.

3. Quyền và nhiệm vụ của Trưởng ban kiểm soát:

a) Trưởng ban kiểm soát phải là cổ đông trong Công ty cổ phần. Trưởng ban kiểm soát có quyền được mời dự các cuộc họp của HĐQT, nhưng không được quyền biểu quyết.

b) Nếu được sự thống nhất của Ban kiểm soát, Trưởng ban kiểm soát có quyền thay mặt Ban kiểm soát kiến nghị triệu tập Đại hội cổ đông bất thường, khi thấy có dấu hiệu tham nhũng, thực hiện trái với Điều lệ và Pháp luật hiện hành làm thiệt hại tới tài sản, hiệu quả kinh tế của Công ty cổ phần.

c) Trưởng ban kiểm soát có nhiệm vụ lập kế hoạch kiểm tra hàng quý, năm và tổ chức thực hiện kế hoạch đó, có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

Chương VI

GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 30: Giám đốc Công ty

1. Giám đốc do HĐQT tuyển chọn, bổ nhiệm và bãi nhiệm, là người trực tiếp điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần.

2. Giám đốc có thể là người trong Công ty cổ phần hoặc thuê bên ngoài, nhưng trước hết được chọn bổ nhiệm trong số cổ đông, nhưng phải được ít nhất 2/3 số thành viên trong HĐQT nhất trí tán thành.

3. Giúp việc Giám đốc có Phó giám đốc, Kế toán trưởng, phụ trách các Phòng Ban nghiệp vụ và phụ trách các đơn vị thành viên.

4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT về kết quả sản xuất kinh doanh và triệt để thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Giám đốc bị cách chức nếu điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh không có hiệu quả. Trong trường hợp thuê Giám đốc thì Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký hợp đồng với Giám đốc.

Điều 31: Giám đốc có quyền hạn, nhiệm vụ và quyền lợi sau

1. Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty cổ phần và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

2. Quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, trên cơ sở các phương án đã được HĐQT thông qua.

3. Được quyền quyết định các hợp đồng mua, bán, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 10% giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty cổ phần.

4. Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.

5. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.

6. Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

7. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh do HĐQT bổ nhiệm.

8. Tuyển dụng, bố trí, sắp xếp lao động theo yêu cầu của sản xuất kinh doanh trên cơ sở phương án được HĐQT phê duyệt.

9. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc.

10. Có quyền kỷ luật, chấm dứt hợp đồng lao động, cho thôi việc đối với công nhân viên theo Bộ luật lao động.

11. Tổ chức công tác thống kê, kế toán, tài chính trong Công ty, xây dựng báo cáo quyết toán hàng năm.

12. Giám đốc chịu sự quản lý trực tiếp của HĐQT và sự kiểm tra của Ban kiểm soát Công ty.

13. Được quyết định các biện pháp vượt quá thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố ... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời phải báo ngay với HĐQT.

14. Giám đốc được hưởng lương, thưởng và các phúc cấp khác (nếu có) do HĐQT quyết định.

15. Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi HĐQT. Trong thời gian 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT phải xem xét và giải quyết.

Điều 32: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty

Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty cổ phần trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn nhiệm vụ của mình phải có các nghĩa vụ sau đây:

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, miễn cán, vì lợi ích của Công ty cổ phần và cổ đông của Công ty cổ phần.

2. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty cổ phần để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác, không được đem tài sản của Công ty cổ phần cho người khác, không được tiết lộ bí mật của Công ty cổ phần và các thông tin về hoạt động của Công ty cổ phần, trừ những thông tin được HĐQT chấp thuận.

3. Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì:

a) Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cổ phần cho tất cả chủ nợ biết.

b) Không được tăng tiền lương, không được trả tiền lương cho công nhân viên Công ty cổ phần kể cả cho những người quản lý Công ty cổ phần.

4. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với các chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, mục 3 Điều 31 của Điều lệ này.

5. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty cổ phần.

6. Các nghĩa vụ khác do pháp luật quy định.

Điều 33: Các hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

Các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty cổ phần với thành viên HĐQT, Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Cổ đông sở hữu từ 35% số cổ phần trở lên và với người có liên quan đến họ chỉ được ký kết theo quy định sau đây:

1. Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông hoặc cổ đông có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền được biểu quyết.

2. Đối với các hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được HĐQT chấp thuận trước khi ký. Thành viên HĐQT hoặc thành viên HĐQT có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp hợp đồng quy định tại mục 1, 2 Điều 33 của Điều lệ này được ký mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT chấp thuận thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của Pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Công ty phải bồi thường.

Điều 34: Ủy quyền, ủy nhiệm

1. Giám đốc có thể ủy quyền hoặc ủy nhiệm cho Phó giám đốc hoặc những người có chức danh quản lý khác trong Công ty cổ phần thay mặt mình giải quyết một số công việc hoặc thay mặt mình thi hành một số nhiệm vụ của Công ty cổ phần bằng văn bản, nhưng Giám đốc phải chịu trách nhiệm pháp lý trước sự ủy quyền, ủy nhiệm đó.

2. Những người được Giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Pháp luật về việc mình làm.

Chương VII

LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG

Điều 35: Lao động

Việc tuyển dụng, sử dụng, chấm dứt hợp đồng lao động thực hiện theo Bộ luật lao động và nội dung chế độ hợp đồng lao động đã ký giữa Giám đốc (hoặc người được Giám đốc uỷ quyền) và người lao động.

Điều 36: Tuyển dụng lao động

1. Giám đốc có quyền tuyển dụng hoặc chấm dứt hợp đồng lao động, cho thôi việc theo yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và phù hợp với Bộ luật lao động.

2. Trong quá trình hoạt động, xét thấy cần bổ sung lao động, Công ty cổ phần sẽ tuyển dụng những người có năng lực, trình độ và có khả năng hoàn thành công việc mà Công ty cổ phần cần (Tiêu chuẩn tuyển dụng cho từng loại công việc Công ty cổ phần sẽ cụ thể hoá khi có nhu cầu tuyển dụng).

3. Ưu tiên tuyển chọn con em cổ đông của Công ty cổ phần nhưng phải có đủ tiêu chuẩn đề ra.

4. Nếu có trường hợp thừa kế muốn được thay thế làm việc, người đó cũng phải có đủ những tiêu chuẩn quy định mới được thay thế.

Điều 37: Tiền lương

Tiền lương và các khoản tiền thưởng đối với người lao động căn cứ vào hợp đồng lao động, kết quả công việc cụ thể của từng người, từng bộ phận, hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần và theo đúng quy chế trả lương của Công ty cổ phần.

Điều 38: Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động

1. Người lao động trong Công ty cổ phần được hưởng quyền lợi theo quy định của bản Điều lệ này và bản thoả ước lao động tập thể hợp pháp của Công ty cổ phần. Người lao động được thực hiện chính sách Bảo hiểm Y tế theo quy định của Bộ luật Lao động.

2. Người lao động phải chấp hành đầy đủ Điều lệ, Nội quy lao động của Công ty cổ phần và Pháp luật của Nhà nước. Ai vi phạm, Công ty cổ phần có quyền thi hành kỷ luật, quy trách nhiệm về vật chất, phạt tiền, đền bù tài sản hoặc buộc thôi việc tuỳ theo mức độ vi phạm, làm thiệt hại về uy tín, kinh tế của Công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Chương VIII

TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 39: Năm tài chính và báo cáo hằng năm

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:

- a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty.

3. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

4. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát phải hoàn thành chậm nhất bảy ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40: Quyết toán và kế hoạch tài chính

Hàng năm sau khi kết thúc năm tài chính, chậm nhất là 90 ngày đầu của năm tài chính tiếp theo, Chủ tịch HĐQT báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường kỳ tình hình hoạt động kinh doanh, quyết toán tài chính cả năm và những dự kiến kế hoạch kinh doanh và tài chính cho năm tiếp theo.

Điều 41: Thể lệ kế toán

Thể lệ kế toán căn cứ vào Luật Kế toán của Việt Nam và quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

Điều 42: Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Công ty cổ phần là lợi nhuận sau trừ đi thuế thu nhập Doanh nghiệp.

1. Lợi nhuận sau thuế được phân bổ và sử dụng như sau :

- a) Trích lập quỹ dự trữ bằng ít nhất 5% đến khi đủ 10% vốn Điều lệ
- b) Quỹ đầu tư phát triển Công ty tối đa là: 10%
- c) Quỹ phúc lợi và khen thưởng tối đa là: 5%

Sau khi trích lập các quỹ nói trên, lợi nhuận còn lại được chia làm các cổ phần gọi là cổ tức.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận hàng năm của Công ty.

Điều 43: Phân chia lợi tức cổ phần

Lợi tức cổ phần được tạm chia một năm một lần vào đầu tháng 4 hàng năm. Cuối năm tài chính, căn cứ vào quyết toán lỗ, lãi sẽ được chia bổ sung thêm hoặc khấu trừ vào lợi tức của năm sau và được công bố công khai.

Điều 44: Xử lý kinh doanh khi thua lỗ

Trường hợp Công ty cổ phần kinh doanh thua lỗ, HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông quyết định trích từ quỹ dự trữ để bù đắp hoặc chuyển khoản lỗ sang năm tài chính tiếp theo.

Chương IX

KHIẾU NẠI - TRANH CHẤP

Điều 45: Giải quyết tranh chấp

1. Công ty cổ phần có quyền bình đẳng trước Pháp luật với mọi Pháp nhân, Thể nhân khi có tố tụng, tranh chấp.

2. Chủ tịch HĐQT, Giám đốc và người được uỷ quyền là người đại diện Công ty cổ phần trước pháp luật

3. Các thành viên trong Công ty cổ phần có các hành vi vi phạm Điều lệ Công ty đều bị xử lý; Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm người có hành vi vi phạm các quy định của Điều lệ bị xử lý kỷ luật, bị xử phạt hành chính hoặc chuyển đến toà án các cấp xét xử theo Luật định.

Chương X

GIẢI THỂ, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN

Điều 46: Giải thể

Công ty cổ phần chỉ giải thể trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ mà không gia hạn thêm.
2. Mục tiêu của Công ty cổ phần không thể thực hiện được nữa hoặc không có lợi.
3. Đại hội đồng cổ đông quyết định giải thể, tách ra hoặc sáp nhập.
4. Quyết định của Toà án đình chỉ hoạt động.
5. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 47: Thanh lý tài sản khi Công ty cổ phần giải thể

1. Khi Công ty cổ phần bị giải thể, việc quy định trách nhiệm thanh lý và Cơ quan giám sát thanh lý được tiến hành theo Pháp luật hiện hành.
2. Xử lý tài sản khi Công ty cổ phần bị giải thể :



Sau khi thanh toán các khoản chi phí phát sinh trong quá trình thanh lý, tài sản Công ty được trang trải theo thứ tự ưu tiên như sau :

- a) Hoàn trả các khoản tiền lương, Bảo hiểm Xã hội mà Công ty cổ phần còn nợ người lao động.
- b) Trang trải các khoản nợ ngân sách Nhà nước theo chế độ hiện hành.
- c) Hoàn trả các khoản nợ cho các chủ nợ Công ty cổ phần có thể chấp.
- d) Hoàn trả các khoản nợ cho các chủ nợ Công ty cổ phần không thể chấp.
- e) Phần còn lại chia cho các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần.

Điều 48: Phá sản Doanh nghiệp

Việc phá sản Doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của Luật phá sản Doanh nghiệp.

Chương XI

CON DẤU

Điều 49: Con dấu

1. Con dấu của Công ty cổ phần Thương mại du lịch Hà Nội được khắc theo mẫu quy định thống nhất của Bộ công an, trước khi sử dụng được đăng ký tại cơ quan Công an có thẩm quyền.
2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp lệnh hiện hành.

Chương XII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ NHỮNG QUI ĐỊNH KHÁC

Điều 50: Điều khoản thi hành

Công ty chính thức thành lập sau khi hoàn tất các thủ tục sau đây:

1. Xác nhận danh sách các cổ đông đã mua hết các cổ phần phát hành và nộp đủ số vốn tương ứng.
2. Đại hội đồng cổ đông thành lập để phê chuẩn bản Điều lệ này.
3. Đã bầu Hội đồng quản trị.
4. Việc quản lý Công ty cổ phần đã được giao cho HĐQT.
5. Đã hoàn tất mọi thủ tục thành lập Công ty cổ phần và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội.

Điều 51: Bổ xung, sửa đổi Điều lệ Công ty

- Trong quá trình hoạt động của Công ty, nếu những qui định trong Điều lệ không phù hợp với các qui định của Pháp luật, tình hình thực tế hoạt động của Doanh nghiệp thì sẽ được sửa đổi, bổ xung cho phù hợp.

- Điều lệ bổ sung, sửa đổi phải được thảo luận và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông và phải được số Cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

Điều 52: Tuân thủ Pháp luật

Những nội dung không được ghi trong bản Điều lệ này sẽ được thực hiện theo các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2005 và các văn bản Pháp luật hiện hành.

Điều 53: Đăng ký Điều lệ

Bản Điều lệ này gồm 12 Chương (mười hai chương), 53 Điều (năm mươi ba điều), được căn cứ vào Luật doanh nghiệp năm 2005 để sửa đổi bổ sung bản Điều lệ thông qua ngày 22/12/2001, được lập thành 7 bản có giá trị như nhau và được phiên họp Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thương mại du lịch Hà Nội thông qua ngày 26 tháng 10 năm 2007, với 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

* 02 bản gửi các Cơ quan có thẩm quyền: Cơ quan đăng ký kinh doanh, Chi cục Tài chính doanh nghiệp.

* 05 bản lưu trong hồ sơ tại trụ sở Công ty cổ phần Thương mại du lịch Hà Nội.

Các bản trích sao Điều lệ này phải do Chủ tịch hội đồng quản trị ký.

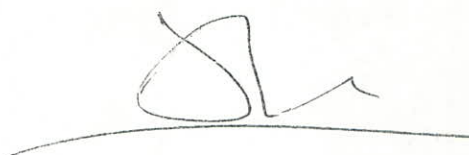
Bản Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông họp ngày 26 tháng 10 năm 2007 nhất trí thông qua, được các thành viên HĐQT nhất trí tán thành và ký tên dưới đây./.

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2007

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC THÀNH VIÊN

CHỦ TỊCH



Lương Tuấn Hải



Vũ Bằng Lâm



Bùi Lý Thủy



Sao ý ban hành
Hoàng Thu Trang